

<第 59 回埼玉スポーツ祭典テニス大会(冬の団体戦・女子)>

2023年12月16日(土) 川越運動公園

| <予選Aリーグ>       | 1                            | 2                            | 3                            | 勝敗                | 順位  |
|----------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-----|
| 1.<br>ひかりと影    |                              | X<br>1 - 6<br>6 - 4<br>0 - 6 | O<br>6 - 2<br>6 - 3<br>6 - 2 | 1 勝<br>1 敗<br>( ) | 2 位 |
| 2.<br>リックにお任せ  | O<br>6 - 1<br>4 - 6<br>6 - 0 |                              | O<br>6 - 2<br>6 - 1<br>6 - 3 | 2 勝<br>0 敗<br>( ) | 1 位 |
| 3.<br>ミラクルショット | X<br>2 - 6<br>3 - 6<br>2 - 6 | X<br>2 - 6<br>1 - 6<br>3 - 6 |                              | 0 勝<br>2 敗<br>( ) | 3 位 |

| <予選Bリーグ>     | 4                            | 5                            | 6                            | 勝敗                | 順位  |
|--------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-----|
| 4.<br>年末大感謝祭 |                              | X<br>2 - 6<br>6 - 4<br>4 - 6 | O<br>2 - 6<br>6 - 5<br>6 - 3 | 1 勝<br>1 敗<br>( ) | 2 位 |
| 5.<br>クラッシャー | O<br>6 - 2<br>4 - 6<br>6 - 4 |                              | O<br>3 - 6<br>6 - 1<br>6 - 2 | 2 勝<br>0 敗<br>( ) | 1 位 |
| 6.<br>でんでんむし | X<br>6 - 2<br>5 - 6<br>3 - 6 | X<br>6 - 3<br>1 - 6<br>2 - 6 |                              | 0 勝<br>2 敗<br>( ) | 3 位 |

| <予選Cリーグ>        | 7                            | 8                            | 9                            | 勝敗                | 順位  |
|-----------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-----|
| 7.<br>いちかわまちゃこ  |                              | O<br>6 - 0<br>2 - 6<br>6 - 1 | O<br>6 - 2<br>6 - 3<br>6 - 4 | 2 勝<br>0 敗<br>( ) | 1 位 |
| 8.<br>イエローブーメラン | X<br>0 - 6<br>6 - 2<br>1 - 6 |                              | X<br>1 - 6<br>4 - 6<br>4 - 6 | 0 勝<br>2 敗<br>( ) | 3 位 |
| 9.<br>晴れ女       | X<br>2 - 6<br>3 - 6<br>4 - 6 | O<br>6 - 1<br>6 - 4<br>6 - 4 |                              | 1 勝<br>1 敗<br>( ) | 2 位 |

<第 59 回埼玉スポーツ祭典テニス大会(冬の団体戦・女子)>

2023年12月16日(土) 川越運動公園

| <決勝リーグ>              | A1位                          | B1位                          | C1位                          | 勝敗                | 順位  |
|----------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-----|
| A1位.<br>リックにお任せ      |                              | ○<br>6 - 1<br>6 - 4<br>6 - 1 | ○<br>6 - 4<br>6 - 2<br>6 - 2 | 2 勝<br>0 敗<br>( ) | 1 位 |
| B1位.<br>クラッシャー       | X<br>1 - 6<br>4 - 6<br>1 - 6 |                              | ○<br>6 - 1<br>6 - 3<br>3 - 6 | 1 勝<br>1 敗<br>( ) | 2 位 |
| C1位.<br>いちかわ<br>まちゃこ | X<br>4 - 6<br>2 - 6<br>2 - 6 | X<br>1 - 6<br>3 - 6<br>6 - 3 |                              | 0 勝<br>2 敗<br>( ) | 3 位 |

| <2位リーグ>            | A2位                          | B2位                          | C2位                          | 勝敗                | 順位  |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-----|
| A2位.<br>ひかりと影      |                              | ○<br>6 - 4<br>6 - 2<br>6 - 2 | X<br>0 - 6<br>3 - 6<br>6 - 1 | 1 勝<br>1 敗<br>( ) | 2 位 |
| B2位.<br>年末<br>大感謝祭 | X<br>4 - 6<br>2 - 6<br>2 - 6 |                              | X<br>0 - 6<br>6 - 2<br>5 - 6 | 0 勝<br>2 敗<br>( ) | 3 位 |
| C2位.<br>晴れ女        | ○<br>6 - 0<br>6 - 3<br>1 - 6 | ○<br>6 - 0<br>2 - 6<br>6 - 5 |                              | 2 勝<br>0 敗<br>( ) | 1 位 |

| <3位リーグ>               | A3位                          | B3位                          | C3位                          | 勝敗                | 順位  |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-----|
| A3位.<br>ミラクル<br>ショット  |                              | ○<br>6 - 3<br>3 - 6<br>6 - 5 | ○<br>6 - 5<br>6 - 0<br>2 - 6 | 2 勝<br>0 敗<br>( ) | 1 位 |
| B3位.<br>でんでんむし        | X<br>3 - 6<br>6 - 3<br>5 - 6 |                              | X<br>3 - 6<br>3 - 6<br>6 - 2 | 0 勝<br>2 敗<br>( ) | 3 位 |
| C3位.<br>イエロー<br>ブーメラン | X<br>5 - 6<br>0 - 6<br>6 - 2 | ○<br>6 - 3<br>6 - 3<br>2 - 6 |                              | 1 勝<br>1 敗<br>( ) | 2 位 |